

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày 30 tháng 7 năm 2019.
V/việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Mã Siêu.
2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST- KDTM ngày 16 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 26/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐST-KDTM ngày 15/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) C.

Địa chỉ: Số xyz, THĐ, quận H, Thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T2, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Nguyễn Quang T3, Phó giám đốc Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Thái Bình (*có mặt*).

2. Ông Phạm Minh T4, Phó trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C, chi nhánh Thái Bình (*có mặt*).

- Bị đơn: Ông Lê Anh Th, sinh năm: 1977.

Và bà Vũ Thị T, sinh năm: 1977.

Đều có địa chỉ tại: Số nhà x, ngõ xyz, phố HT, thuộc Khu x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (*đều vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T có vay tiền của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 09/8/2016, loại vay ngắn hạn, số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); lãi suất là 9,5%/năm tại thời điểm

ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 09/8/2016); phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 30 cuối tháng bắt đầu từ 30/8/2016, thanh toán nợ gốc theo tiến độ bán hàng, chậm nhất là ngày 09/8/2017 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là kinh doanh dịch vụ giải khát-cà phê-karaoke. Ngân hàng luôn giám sát, đơn đốc ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T trả nợ đúng cam kết, tính đến ngày 05/3/2017 ông Th và bà T đã trả cho Ngân hàng được tổng số 35.243.056 đồng tiền lãi; sau đó ông Th và bà T không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng; khi khoản nợ quá hạn, ông Th và bà T đã đi khỏi địa phương. Tính đến ngày 30/7/2019, ông Th và bà T còn nợ Ngân hàng số tiền là 655.416.666 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi cộng dồn là 107.916.666 đồng và lãi phạt cộng dồn là 47.500.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay, ông Th và bà T có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại Khu x, thị trấn T1, tỉnh Thái Bình nay là số nhà xyz, phố HT, thuộc Khu x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 27, diện tích 122,5m²: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA585164, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 02844 do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/6/2010 mang tên ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T), theo Hợp đồng thế chấp (bất động sản) số 01/2014 ngày 18 tháng 9 năm 2014, đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Về phía bị đơn: Ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T có hộ khẩu thường trú tại Số nhà x, ngõ xyz, phố HT, thuộc Khu x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Hiện tại, ngôi nhà trên đã đóng cửa, không có ai sinh sống và làm việc tại ngôi nhà trên (đã bị khóa các lối đi) nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn đồng thời cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Anh Th được Phòng Tài chính kế hoạch Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 08H8003307 ngày 18/11/2010. Ngành, nghề kinh doanh: Dịch vụ nước giải khát - Cà phê - Karaoke. Địa điểm kinh doanh: Phố HT, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Địa điểm kinh doanh cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở của ông Lê Anh Th. Do vậy, Ngân hàng TMCP C khởi kiện ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T ra Tòa án nhân dân huyện T1 nên Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T1 đã gửi các văn bản tố tụng cho ông Th, bà T nhưng ông, bà không có ý kiến và không đến Tòa án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại UBND thị trấn T1 nhưng ông Th, bà T không có mặt tại Tòa án để thể hiện quan điểm của mình. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP C được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng. Lĩnh vực hoạt động có hoạt động tín dụng là cho vay. Bị đơn trong vụ án là ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể, ngành, nghề kinh doanh là: Dịch vụ nước giải khát - Cà phê - Karaoke. Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 09/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình và ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T ký kết đều nhằm mục đích lợi nhuận, vì vậy Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình và ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 09/8/2016 giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình và ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T ký kết thì chậm nhất là ngày 09/8/2017, bên vay phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi, vì vậy ngày 09/8/2017 là ngày quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng TMCP C bị xâm phạm. Ngân hàng TMCP C khởi kiện trong thời hiệu theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[4] Sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C, Tòa án nhân dân huyện T1 đã ra Thông báo thụ lý; triệu tập ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T đều vắng mặt. Tòa án nhân dân huyện T1 đã xác minh tại số nhà x, ngõ xyz, phố HT, thuộc Khu x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình là nhà ở và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Th và bà T, được ông Nguyễn Văn H2 có địa chỉ tại số nhà y, ngõ xyz, phố HT, thị trấn T1 (là hàng xóm của ông Th, bà T) cho biết: Ông Th và bà T là chủ sở hữu và sử dụng của thửa đất và tài sản là nhà trên đất tại số nhà x, ngõ xyz, phố HT. Từ năm 2017, ông Th và bà T không còn sinh sống ở đây, từ đó đến nay cũng không có ai sinh sống trên căn nhà này nữa. Biên bản xác minh có sự chứng kiến của ông Đỗ Tuấn A là công chức xây dựng UBND thị trấn và ông Nghiêm Xuân H3, Phó Chủ tịch UBND thị trấn T1. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Tòa án nhân dân huyện T1 mở phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện T1 hoãn phiên tòa, phiên tòa lần thứ hai bị đơn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về nội dung:

[5.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ kết luận: Giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Thái Bình và ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T ký kết có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 09/8/2016, có nội dung hợp pháp, cụ thể như sau: Loại vay ngắn hạn, số tiền vay: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); lãi suất là 9,5%/năm tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng; lãi suất quá hạn bằng 50% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay là 12 tháng (kể từ ngày giải ngân đầu tiên 09/8/2016); phương thức trả là trả lãi hàng tháng vào ngày 30 cuối tháng bắt đầu từ 30/8/2016, thanh toán nợ gốc theo tiến độ bán hàng, chậm nhất là ngày 09/8/2017 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi; mục đích vay là kinh doanh dịch vụ giải khát-cà phê-karaoke. Ngân hàng luôn giám sát, đôn đốc ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T trả nợ đúng cam kết, tính đến ngày 05/3/2017 ông Th và bà T đã trả cho Ngân hàng được tổng số 35.243.056 đồng tiền lãi; sau đó ông Th và bà T không trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng; khi khoản nợ quá hạn, ông Th và bà T đã đi khỏi địa phương. Tính đến ngày 30/7/2019, ông Th và bà T còn nợ số tiền là 655.416.666 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi cộng dồn là 107.916.666 đồng và lãi phạt cộng dồn là 47.500.000

đồng.

[5.2] Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi: Việc đến hạn trả nợ gốc và lãi ông Th và bà T không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở nên được chấp nhận: Buộc ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T phải trả nợ gốc đối với khoản vay của hợp đồng tín dụng số 01/2016/HĐTD ngày 09/8/2016 với số tiền là 500.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ngân hàng TMCP C yêu cầu ông Th và bà T phải trả lãi và lãi phạt theo quy định của pháp luật từ ngày 05/3/2017 với mức lãi suất 9,5%/năm, lãi phạt bằng 50% tiền lãi. Xét mức lãi suất Ngân hàng C yêu cầu phù hợp với thấp hơn mức lãi suất và lãi phạt quá hạn theo quy định của pháp luật nên chấp nhận. Ông Th và bà T phải trả tiền lãi và lãi phạt quá hạn cho Ngân hàng C từ ngày 05/3/2017 đến ngày 30/7/2019 là 155.416.666 đồng, trong đó lãi cộng dồn là 107.916.666 đồng và lãi phạt cộng dồn là 47.500.000 đồng..

[5.3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông Th và bà T có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại số nhà x, ngõ xyz, phố HT, thuộc Khu x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 27, diện tích 122,5m²: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA585164, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 02844 do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/6/2010 mang tên ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T), theo Hợp đồng thế chấp (bất động sản) số 01/2014 ngày 18 tháng 9 năm 2014, đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Vì vậy, tài sản trên phải được dùng để đảm bảo số nợ trên. Trong trường hợp ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, ông Th và bà T phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng. Ông Th và bà T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng TMCP C.

[8] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng TMCP C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông Th và bà T phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là (20.000.000 đồng + 4% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng), cụ thể: 20.000.000 đồng + (255.416.666 đồng x 4%) = 30.296.666 đồng (ba mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 điều 30; Điểm a Khoản 1 Điều 40; Khoản 1 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 306; Điều 319 Luật thương mại. Điều 342, 351, 471, 474, 715 và 721 Bộ luật dân sự 2005. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền nợ gốc, lãi cộng dồn và lãi phạt cộng dồn tính đến ngày 30/7/2019 là 655.416.666 đồng (Sáu trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng) bao gồm: Nợ gốc là 500.000.000 đồng, lãi cộng dồn là 107.916.666 đồng và lãi phạt cộng dồn là 47.500.000

đồng.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T không trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T theo Hợp đồng thế chấp (bất động sản) số 01/2014 ngày 18 tháng 9 năm 2014 để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất tại số nhà x, ngõ xyz, phố HT, thuộc Khu x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh Thái Bình (Thửa đất số 192, tờ bản đồ số 27, diện tích 122,5m²: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA585164, vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH 02844 do Ủy ban nhân dân huyện T1, tỉnh Thái Bình cấp ngày 15/6/2010 mang tên ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.

4. Về án phí: ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T phải chịu số tiền án phí là 30.296.666 đồng (ba mươi triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009068 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh Thái Bình.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Anh Th và bà Vũ Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1
- Các đương sự
- TAND tỉnh Thái Bình
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đồng Ngọc Huyền

